

**CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS BÌNH PHƯỚC**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS BÌNH PHƯỚC

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: BINH PHUOC LOGISTICS STOCK  
COMPANY

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 3801185728

**3. Ngày thành lập:** 12/10/2018

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 445, Quốc Lộ 14, Khu phố Xuân Bình, Phường Tân Bình, Thị xã Đồng Xoài, Tỉnh  
Bình Phước, Việt Nam

Điện thoại: 0918 562137

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | Mã ngành    |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4653        |
| 2.  | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ<br>chi tiết: Vận tải hàng hóa bằng đường bộ (trừ hóa lỏng khí để vận chuyển)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4933(Chính) |
| 3.  | Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương<br>chi tiết: Kinh doanh vận tải đường biển                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 5012        |
| 4.  | Kiểm tra và phân tích kỹ thuật<br>chi tiết: Giám định, kiểm định chất lượng hàng hóa ( các mặt hàng nông sản: cao su, điều, tiêu, cà phê)                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 7120        |
| 5.  | Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 5022        |
| 6.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4659        |
| 7.  | Dịch vụ đóng gói                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 8292        |
| 8.  | Bốc xếp hàng hóa<br>(trừ bốc xếp hàng hóa cảng hàng không)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 5224        |
| 9.  | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải<br>chi tiết: Gửi hàng , giao nhận hàng hóa, dịch vụ vận tải đa phương thức (trừ đường hàng không); dịch vụ logistics (trừ đường hàng không); Đại lý môi giới cung ứng dịch vụ hàng hải; Dịch vụ cung ứng tàu biển; dịch vụ môi giới hàng hải và các dịch vụ hàng hải khác (trừ hóa lỏng khí để vận chuyển và hoạt động liên quan đến vận tải hàng không). Đại lý vận chuyển hàng hóa | 5229        |
| 10. | Cho thuê xe có động cơ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 7710        |
| 11. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy<br>chi tiết: Hoạt động liên quan đến vận tải hành khách, động vật hoặc hàng hóa bằng đường thủy (trừ hóa lỏng khí để vận chuyển)                                                                                                                                                                                                                                               | 5222        |

**6. Vốn điều lệ:** 5.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần: 10.000 VNĐ/Cổ phần

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:**

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông    | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần      | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|----------------|--------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | VÕ QUANG THUẬN | Số nhà 128, Ấp Thuận Hòa, Xã Thuận Lợi, Huyện Đồng Phú, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam    | Cổ phần phổ thông | 400.000    | 4.000.000.000         | 80,000    | 285285513                                                                                   |         |
|     |                |                                                                                      | Tổng số           | 400.000    | 4.000.000.000         | 80,000    |                                                                                             |         |
|     |                |                                                                                      |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 2   | BÙI GIA NÊN    | Khu phố Phú Xuân, Phường Tân Phú, Thị xã Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam        | Cổ phần phổ thông | 35.000     | 350.000.000           | 7,000     | 285344135                                                                                   |         |
|     |                |                                                                                      | Tổng số           | 35.000     | 350.000.000           | 7,000     |                                                                                             |         |
|     |                |                                                                                      |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 3   | TRẦN HỮU LOAN  | Khu phố Xuân Bình, Phường Tân Bình, Thị xã Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam      | Cổ phần phổ thông | 32.500     | 325.000.000           | 6,500     | 285231735                                                                                   |         |
|     |                |                                                                                      | Tổng số           | 32.500     | 325.000.000           | 6,500     |                                                                                             |         |
|     |                |                                                                                      |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 4   | NGUYỄN VĂN HÒA | Ấp 2, Xã Tiến Thành, Thị xã Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam                     | Cổ phần phổ thông | 32.500     | 325.000.000           | 6,500     | 285328866                                                                                   |         |
|     |                |                                                                                      | Tổng số           | 32.500     | 325.000.000           | 6,500     |                                                                                             |         |
|     |                |                                                                                      |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |

#### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|

#### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: **VÕ QUANG THUẬN**

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Tổng giám đốc*

Sinh ngày: *10/10/1960*

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: *285285513*

Ngày cấp: *14/03/2014*

Nơi cấp: *Công an tỉnh Bình Phước*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Số nhà 128, Ấp Thuận Hòa, Xã Thuận Lợi, Huyện Đồng Phú, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Số nhà 128, Ấp Thuận Hòa, Xã Thuận Lợi, Huyện Đồng Phú, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam*

**11. Nơi đăng ký:** *Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bình Phước*